TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 32/2019 /DS-PT Ngày 19 - 03 - 2019 V/v: "Kiện đòi tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng

Ông Trần Anh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:* Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: số 157/2018/DSPT ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41 /2019/QĐPT ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị P – Sinh năm 1964.

Địa chỉ: 48/11, đường HV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mã Sông C – Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 12, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Hẻm 183, đường PV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Cao Thị P –*Là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị P trình bày**:

Vào ngày 06/5/2013 tôi có cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền 50.000.000 đồng để trả cho tiệm cầm đồ, việc vay mượn này không liên quan đến Quyết định đình chỉ thi hành án số 161/THA ngày 07/5/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B mà trước đó bà X ông L nợ tôi, do vậy bà X sang vay nợ 50.000.000 đồng của tôi, hai bên thoả thuận hàng tháng bà X sẽ trả cho bà P số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc 50.000.000 đồng khi nào bán căn nhà hẻm 43 HV, Tp. B sẽ trả hết số tiền gốc, bắt đầu tính lãi từ 30/6/2013 cho đến khi trả hết nợ và bà X cam kết "nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật" bà X có viết Giấy mượn tiền. Trong quá trình vay lại, từ tháng 6/2013 đến tháng 02/2018 bà X đã trả cho bà P số tiền 40.800.000 đồng tiền lãi(37.800.000 đồng tôi xác nhận + 3.000.000 đồng trả ngày 10/2/2018), còn tiền gốc 50.000.000 đồng chưa trả.

Nay bà P yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà P số tiền 50.000.000 đồng gốc và tính lãi suất từ ngày 06/5/2013 cho đến khi bà X trả hết nợ cho tôi, cụ thể như trong đơn yêu cầu tính lãi suất ngày 30/8/2018 mà bà P yêu cầu, lãi trừ cụ thể: 2.000.000đ x 65 tháng = 130.000.000 đồng - 40.800.000đồng = 89.200.000 đồng. Tổng cộng: gốc và lãi tính đến ngày 30/8/2018 là: 139.200.000 đồng.

Đối với người làm chứng bà Trần Thị N có ký làm chứng thì bà P không biết bà Ng hiện nay ở đâu và không đề nghị triệu tập tham gia tố tụng

- Trong bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bi đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X xác định vào ngày 06/5/2013 bà X có ký vay của bà Cao Thị P số tiền 50.000.000 đồng vì theo Quyết định đình chỉ thi hành án số 161/THA ngày 07/5/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B thì bà X đã thi hành xong, tuy nhiên Quyết định thoả thuận số 87/CNTT ngày 04/5/2005 thì bà X chưa trả tiền lãi suất, do vậy ngày 06/5/2013 bà X buộc phải ký vay của bà Cao Thị P số tiền 50.000.000 đồng để tính lãi và bà P phải rút đơn yêu thi hành án, hai bên thoả thuận hàng tháng bà X sẽ trả cho bà P số tiền 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/6/2013 cho đến khi trả hết nợ, hai bên không thoả thuận tính lãi suất. Trong quá trình ký vay, từ ngày 07/5/2013 đến ngày 10/02/2018 bà X đã trả cho bà P số tiền 41.800.000 đồng tiền gốc nhưng số tiền 1.000.000 đồng bà X đưa cho bà P không có ký nhận,

khi trả giao tiền có sổ mà bà P có ký xác nhận trong đó tổng cộng là 40.800.000 đồng.

Nay bà P yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà X phải trả cho bà P số tiền 139.200.000 đồng cả gốc và lãi thì bà X không đồng ý. Bà X chỉ xác nhận còn nợ 8.200.000 đồng tiền lãi của bà P trong giấy vay tiền, nếu bà P đồng ý thì bà X sẽ trả cho bà P đủ số tiền trên.

Đối với người làm chứng bà Trần Thị N có ký làm chứng thì tôi không biết bà N hiện nay ở đâu.

Tại bản án số 72/2018/DSST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 280, Điều 579, Điều 580 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Cao Thị P số tiền 9.835.000 đồng theo giấy vay tiền ngày ngày 06/5/2013; trong đó gốc là 9.200.000 đồng và lãi là 635.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về trả tiền gốc và lãi suất là 129.325.000đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 491.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Cao Thị P phải nộp 6.466.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bị bác yêu cầu. Được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 0007872 ngày 15/8/2018. Bà Cao Thị P còn phải nộp 5.216.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2018, bà Cao Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Cao Thị P số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ là 89.200.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà X phải trả được tính đến tháng 10/2018 là 139.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị P - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 72/2018/DSST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị P:

[2.1] Đối với yêu cầu về khoản vay 50.000.000 đồng tiền gốc và 130.000.000 đồng tiền lãi được tính từ ngày 06/5/2013 đến tháng 10 năm 2018, tổng cộng số tiền cả gốc và lãi bà P yêu cầu bà X phải trả là 139.200.000 đồng (đã trừ 40.800.000 đồng mà bà P cho rằng bà X đã trả được số tiền lãi trước đó), thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

Số tiền gốc 50.000.000 đồng tiền gốc mà bà P cho bà X vay đã được các bên thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh, Trong giấy vay tiền ngày 06/5/2013 bà X và bà P đều xác nhận tính đến ngày 10/2/2018 thì bà X đã trả cho bà P số tiền 40.800.000 đồng còn 1.000.000 đồng bà X không đưa ra được chứng cứ chứng minh vì bà P không xác nhận, tuy nhiên bà P cho rằng đó là tiền lãi bà X đã trả chứ không phải tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng vay tiền, từ tháng 06/2013 đến tháng 02/2018 bà X trả liên tục nhưng bà P không có ý kiến và không ghi rõ là tiền lãi hay tiền gốc. Do vậy bà P cho rằng số tiền 40.800.000 đồng là tiền lãi là không có cơ sở để xem xét, như vậy bà X chỉ còn nợ bà P 9.200.000 đồng tiền gốc.

Đối với số tiền lãi bà P yêu cầu 2.000.000 đồng x 65 tháng = 130.000.000 đồng - 40.800.000 đồng = 89.200.000 đồng. Tổng cộng: Gốc và lãi tính đến tháng 10/2018 là: 139.200.000 đồng là không có căn cứ vì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng vay tiền, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất đối với bà X vi phạm nghĩa vụ đến hạn của hợp đồng đối với số tiền chậm trả là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà X phải trả cho bà P số tiền 9.200.000 đồng nợ gốc và 635.000 đồng tiền lãi, bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về trả tiền gốc và lãi suất là 130.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Cao Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 72/2018/DSST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Cao Thị P số tiền 9.835.000 đồng theo giấy vay tiền ngày ngày 06/5/2013; trong đó gốc là 9.200.000 đồng và lãi là 635.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P về trả tiền gốc và lãi suất là 129.325.000đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 491.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Cao Thị P phải nộp 6.466.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bị bác yêu cầu. Được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 0007872 ngày 15/8/2018. Bà Cao Thị P còn phải nộp 5.216.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Cao Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 0008472 đã nộp vào ngày 13/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thành phố B.*
- *VKSND thành phố B.*
- *Chi cục T.H.A.DS thành phố B.*
- *Đương sự;*
- *Cổng thông tin điện tử;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thuấn